TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2024/HS-ST
Ngày 26 - 01- 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Lợi và ông Nguyễn Tiến Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2024/TLST-HS ngày 10/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXX-HS ngày 15/01/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Anh T**, sinh ngày 12/5/1997, tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Tạ Thị D; vợ là chị Phạm Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2023, trích xuất có mặt tại phiên toà.

* Bị hại: Anh Trần Văn H, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

* Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2001, nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Nguyễn Anh T nảy sinh ý định lên mạng xã hội Facebook giao dịch vờ hỏi mua điện thoại và khi trực tiếp giao dịch mua bán, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu sẽ lấy điện thoại bỏ chạy để chiếm đoạt. Bị cáo T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi của bị cáo T lập một tài khoản Facebook lấy tên là "TH" rồi vào trang mua bán điện thoại cũ tại Thái Bình, tìm người giao bán điện thoại có giá trị để hỏi mua. Tối ngày 27/10/2023, bị cáo T vào Facebook

thấy tài khoản có tên "KL" của anh Trần Văn H có đăng bán chiếc điện thoại Iphone 12 Promax 128GB, dung lượng pin 86% với giá 12.600.000 đồng *(Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Bị cáo T nhắn tin hỏi mua và trả giá 12.000.000 đồng, anh H đồng ý bán. Bị cáo T hẹn anh H trưa ngày 28/10/2023 mang điện thoại đến trước cửa số nhà 31, đường N, phường T, thành phố B để giao dịch mua bán. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 28/10/2023, bị cáo T đến điểm hẹn rồi nhắn tin cho anh H mang điện thoại đến. Khoảng 10 phút sau anh H cùng vợ là chị Nguyễn Thị H đi xe máy đến gặp bị cáo T, bị cáo nói với anh H cho bị cáo xem điện thoại, chị Hiền đưa cho bị cáo chiếc điện thoại Iphone 12 Promax 128GB, bị cáo T cầm điện thoại kiểm tra. Tuy nhiên, do có nhiều người qua lại nên bị cáo T nghĩ là khó có thể chiếm đoạt được, bị cáo T nói với anh H để bị cáo về hỏi vợ, nếu vợ bị cáo đồng ý thì bị cáo nhắn tin để anh H mang điện thoại qua cho bị cáo, anh H đồng ý. Đến chiều cùng ngày, bị cáo T nhắn tin cho anh H hẹn anh H đến 18 giờ mang chiếc điện thoại Iphone 12 Promax 128GB đến điểm hẹn tại trước cửa số nhà 31, đường N, phường T, thành phố B bán cho bị cáo T. Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 28/10/2023, anh H cùng vợ là chị Hiền mang chiếc điện thoại Iphone 12 Promax 128GB đến điểm hẹn. Tại đây, khi anh H cầm chiếc điện thoại Iphone 12 Promax 128GB đưa cho bị cáo T, bị cáo cầm chiếc điện thoại trên tay rồi đi sang đường vừa đi vừa nói *"Để em cầm vào nhà cho vợ em xem"*, anh H đi theo sau bị cáo. Khi khoảng cách giữa hai người cách nhau khoảng gần 10 mét, đến chỗ tối bị cáo T bỏ chạy vào khu nhà dân để tẩu thoát, anh H đuổi theo nhưng không kịp. Trong khi bỏ chạy bị cáo T đã làm rơi 01 chiếc điện thoại hiệu Xiaomi của bị cáo và 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax 128GB của anh H.

Ngày 29/10/2023, anh H đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình trình báo sự việc trên.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Anh T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội cướp giật tài sản của mình.

Bản cáo trạng số: 11/CT - VKSTP ngày 10/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, truy tố bị cáo Nguyễn Anh T về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên luận tội: Tại phiên toà không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án và giữ nguyên quan điểm truy tố. Kiểm sát viên phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội "Cướp giật tài sản";

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ngày 03/11/2023, đại diện gia đình bị cáo T đã bồi thường cho anh H số tiền 12.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Anh H đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác về dân sự nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về vật chứng: Không phải giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Anh T xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bị cáo không trình bày lời bào chữa, không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh và mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên và Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và đó là các tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên bị cáo không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Căn cứ kết tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với Cáo trạng đã truy tố, đồng thời còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Đơn trình báo và lời khai của bị hại; Biên bản xác định địa điểm; Lời khai của người làm chứng; Tại Kết luận định giá tài sản; cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Do không có tiền tiêu xài cá nhân, khoảng 18 giờ 20 phút ngày 28/10/2023 tại khu vực trước cửa số nhà 31, đường N, tổ 14, phường T, thành phố Thái Bình, bị cáo Nguyễn Anh T có thủ đoạn nói dối là mua chiếc điện thoại Iphone 12 Promax 128GB của anh Trần Văn H, sinh năm 1997, cư trú tại Thôn T, xã V, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Khi tiếp cận được tài sản bị cáo nói *"Để em cầm vào nhà cho vợ em xem"* rồi nhanh chóng bỏ chạy tẩu thoát để chiếm đoạt chiếc điện thoại trên, tài sản chiếm đoạt trị giá 12.000.000 đồng. Xét, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ lẽ ra bị cáo phải nhận thức rõ không ai có quyền chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách bất hợp pháp đều bị xử lý, song để đạt được mục đích có tiền chi tiêu cá nhân mà không mất sức lao động, bị cáo đã cố ý chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại của bị hại có giá trị 12.000.000 đồng. Xét hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với dấu

hiệu cấu thành cơ bản của tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự. Điều 171 - Tội Cướp giật tài sản: "1. *Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. ...".* Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội "Cướp giật tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và khung hình của Điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt và các vấn đề khác do Kiểm sát đề nghị tại phiên toà là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo và quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ với lỗi cố. Cho thấy hành vi của bị cáo là rất liều lĩnh, táo bạo tạo lên dư luận xấu trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét nguyên nhân và điều kiện thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là nhằm mục đích có tiền chi tiêu cá nhân mà không mất sức lao động nên bị cáo không tuân thủ pháp luật. Vì vậy cần xét xử bị cáo nghiêm minh.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động để gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại; bị hại có đơn đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo; do đó khi lượng hình bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải cách bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng đủ tác dục cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thu nhập không ổn định nên không dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 03/11/2023, đại diện gia đình bị cáo T đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh H số tiền 12.000.000 đồng theo thỏa thuận, anh H đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác về dân sự nên ghi nhận sự thỏa thuận này.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nêu trên nhưng không có kết quả.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội "Cướp giật tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 31/10/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận về việc đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Anh T đã bồi thường xong thiệt hại về tài sản số tiền 12.000.000 đồng vào ngày 03/11/2023, cho anh Trần Văn H, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố B, tỉnh Thái Bình, anh H đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác về dân sự.

4. Về vật chứng: Không giải quyết tại bản án này.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo và bị hại, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/01/2024.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKS tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hân